

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 250A/2018/DS-ST

Ngày 28-11- 2018.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Chót

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2018/TLST – DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2313/2018/QĐST – DS ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1957; địa chỉ: 53/3 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1969; địa chỉ: 48/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1951; địa chỉ: 53/3 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị M trình bày:

Từ năm 2016 bà có tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị B do bà B làm chủ hụi, cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: hụi khai ngày 27/4/2016 (âm lịch), gồm 25 phần; mỗi phần 2.000.000 đồng; hụi mãn ngày 27/5/2018; bà tham gia 01 phần và đóng

được 20 tháng với số tiền 40.000.000 đồng thì bà B úp hụi và không giao tiền hụi cho bà; do việc chơi hụi là có lãi nên dây hụi này bà B nợ bà số tiền 40.000.000 đồng.

+ Dây thứ hai: hụi khai ngày 27/4/2016 (âm lịch), gồm 25 phần; mỗi phần 2.000.000 đồng; hụi mãn ngày 27/5/2018; bà tham gia 01 phần và đóng được 20 tháng với số tiền 40.000.000 đồng thì bà B úp hụi và không giao tiền hụi cho bà; do việc chơi hụi là có lãi nên dây hụi này bà B nợ bà số tiền 40.000.000 đồng.

+ Dây thứ ba: hụi khai ngày 26/6/2016 (âm lịch), gồm 27 phần; mỗi phần 1.000.000 đồng; hụi mãn ngày 26/9/2018; bà tham gia 01 phần và đóng được 18 tháng với số tiền 18.000.000 đồng thì bà B úp hụi và không giao tiền hụi cho bà; do việc chơi hụi là có lãi nên dây hụi này bà B nợ bà số tiền 18.000.000 đồng.

+ Dây thứ tư: hụi khai ngày 05/5/2017 (âm lịch), gồm 26 phần; mỗi phần 2.000.000 đồng; hụi mãn ngày 05/7/2019; bà tham gia 01 phần và đóng được 8 tháng với số tiền 16.000.000 đồng thì bà B úp hụi và không giao tiền hụi cho bà; do việc chơi hụi là có lãi nên dây hụi này bà B nợ bà số tiền 16.000.000 đồng.

+ Dây thứ năm : hụi khai ngày 25/7/2017 (âm lịch), gồm 27 phần; mỗi phần 2.000.000 đồng; hụi mãn ngày 25/10/2019; bà tham gia 02 phần và đóng được 04 tháng với số tiền 16.000.000 đồng thì bà B úp hụi và không giao tiền hụi cho bà; do việc chơi hụi là có lãi nên dây hụi này bà B nợ bà số tiền 16.000.000 đồng.

Số tiền chơi hụi là tiền chung của bà và chồng bà là ông Đặng Văn T. Hiện nay số tiền hụi bà B còn nợ bà và ông T là 130.000.000 đồng; bà đồng ý trừ tiền đầu thảo cho bà B là 5.500.000 đồng. Vào ngày 26/12/2017 (âm lịch) bà B có viết cho bà biên nhận thừa nhận hiện nay còn nợ bà số tiền 124.500.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải giao trả cho bà và ông T số tiền 124.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn T trình bày: tôi có cùng ý kiến với bà Lê Thị M và không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp về hui, họ, biểu phường” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Thị B có đăng ký hộ khẩu tại ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà B các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị B.

[4] Về nội dung vụ án: bà M khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm trả cho bà và ông T số tiền hui là 124.500.000 đồng. Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị M đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là các bản sao (có đối chiếu bản chính) biên nhận tiền hui giữa bà và bà B để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên bị đơn Nguyễn Thị B đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Lê Thị M cung cấp để xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của bà M, xét thấy: hợp đồng góp hui giữa bà M với bà B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng bà B đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên cần buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 124.500.000 đồng là phù hợp.

[6] Do bà Lê Thị M và ông Đặng Văn T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[7] Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 124.500.000 \text{ đồng} = 6.225.000 \text{ đồng}$.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, họ, biếu, phườg. Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M:

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M và ông Đặng Văn T số tiền là 124.500.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Do bà Lê Thị M và ông Đặng Văn T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị B phải nộp 6.225.000 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì

thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Cao Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chót-Huỳnh Ngọc Sơn

Cao Thanh Minh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn

Trần Thị Vân

